

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2782/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Nguyên đơn: Bà Trần Mộng L, sinh năm 1980;

Địa chỉ: A Đường số B, Khu phố C, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trương Văn Q, sinh năm 1979;

Địa chỉ: A Đường số B, Khu phố C, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mộng L và ông Trương Văn Q thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62, Quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/10/2006 chấm dứt hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

2. Về con chung:

Bà Trần Mộng L và ông Trương Văn Q có 02 con chung tên Trương Kiến V, sinh ngày 16/6/2007 và Trương Hoàng Y, sinh ngày 24/10/2011.

Hai bên thống nhất giao 02 con chung Trương Kiến V, sinh ngày 16/6/2007 và Trương Hoàng Y, sinh ngày 24/10/2011 cho bà Trần Mộng L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi trẻ 2.000.000 đồng/tháng (Hai trẻ 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung do ông Q tự thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của bà Trần Mộng L và ông Trương Văn Q về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người bị yêu cầu còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Trần Mộng L và ông Trương Văn Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng bà Trần Mộng L tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0067581 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Mộng L đã nộp đủ lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường Cát Lái;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thị Thu Hà